

Quan điểm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n về công nghiệp

Nguyễn Ngọc Hà¹

¹ Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: nguyenngocha08@gmail.com

Nhận ngày 1 tháng 11 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 12 năm 2020.

Tóm tắt: Quan điểm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n về công nghiệp có nội dung sâu sắc. Theo quan điểm đó, công nghiệp có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của xã hội không những về kinh tế mà cả về chính trị và văn hóa - xã hội. Tuy nhiên, công nghiệp trong xã hội tư bản chủ nghĩa bên cạnh tác động tích cực đã có tác động tiêu cực không nhỏ về kinh tế, chính trị và văn hóa - xã hội. Những tác động tiêu cực này chỉ có thể được khắc phục triệt để trong xã hội cộng sản chủ nghĩa. Mặc dù phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện nay có sự điều chỉnh để phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của công nghiệp, và mặc dù kinh tế tư nhân vẫn đang là động lực quan trọng của nền kinh tế, nhưng chúng ta có thể tin rằng trong tương lai phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, như C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n dự đoán, nhất định sẽ được thay thế bằng phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.

Từ khóa: C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, công nghiệp, phát triển xã hội.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The views of K. Marx and F. Engels on industry bear profound content. They deem that industry plays an important role in the development of society not only economically but also politically and socio-culturally. However, industry in a capitalist society, in addition to its positive effects, has had significant negative impact on the domains. The negative effects can only be completely overcome in a communist society. Although the capitalist mode of production has been adjusted to better suit the development needs of industry, and although the private economy is still an important engine of the economy, we can believe that, in the future, that capitalist mode of production, as predicted by K. Marx and F. Engels, will definitely be replaced by the communist one.

Keywords: K. Marx and F. Engels, industry, social development.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Từ “công nghiệp” có thể được hiểu theo nghĩa là một lĩnh vực sản xuất khác với nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, hoặc theo nghĩa là cách thức sản xuất bằng máy móc được mở đầu bằng sự phát minh ra máy hơi nước của J. Watt năm 1780. Trong sách báo triết học, từ “công nghiệp” thường được sử dụng theo nghĩa cách thức sản xuất bằng máy móc. Vậy, “công nghiệp” theo nghĩa này có tác động như thế nào đến sự phát triển xã hội? C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen là những người bàn nhiều về công nghiệp, cụ thể hơn là về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển của xã hội. Quan điểm của các ông về vấn đề đó được trình bày chủ yếu trong *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* (do Ph. Ăng-ghe-nen viết năm 1847) và trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” (do C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen viết năm 1948). Bài viết này trình bày nội dung và ý nghĩa của quan điểm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển của xã hội được các ông trình bày trong hai tác phẩm trên.

2. Những nội dung chủ yếu trong quan điểm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển của xã hội

Trong các tác phẩm *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* và *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, có một phần quan trọng nói về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển của xã hội. Quan điểm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển của xã hội có nhiều nội dung. Trong đó, theo chúng tôi, có thể khái quát thành những nội dung chủ yếu sau.

Thứ nhất, theo C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen, nhờ có công nghiệp nên con người mới làm ra được của cải nhiều về số lượng, tốt về chất lượng tốt, rẻ về giá cả. Khi sản xuất bằng công cụ thủ công người ta sử dụng sức cơ bắp của con người hoặc sức kéo của gia súc hoặc sức gió, sức nước; còn khi sản xuất bằng công cụ máy móc người ta sử dụng máy chạy bằng than hoặc điện. Ví dụ, khi cày bằng sức kéo của trâu hoặc bò, cuốc bằng tay, vận chuyển bằng xe ngựa, đi bằng thuyền, chúng ta đã sử dụng công cụ thủ công; còn khi cày, vận chuyển bằng máy, đi lại bằng tàu, chúng ta đã sử dụng công cụ máy móc. Sản xuất bằng máy móc đem lại năng suất lao động cao hơn. Đây là điều mà mọi người đều dễ dàng nhận thấy. Về điều này, Ph. Ăng-ghe-nen viết: “Hàng hóa do máy móc sản xuất ra thì rẻ hơn và tốt hơn so với hàng hóa do công nhân sản xuất bằng xa kéo sợi và khung cửi dệt vải không hoàn thiện của mình” [1, tr.457]. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen viết: “Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại” [1, tr.603].

Thứ hai, theo C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen, nhờ có công nghiệp nên giai cấp vô sản và giai cấp tư sản mới hình thành, quan hệ sản xuất phong kiến mới được thay bằng quan hệ sản xuất tư bản, giai cấp vô sản mới trở thành giai cấp thống trị trong xã hội. Sản xuất công nghiệp là sản xuất ở một trình độ cao hơn so với sản xuất bằng công cụ thủ công nghiệp. Sự phát triển của công cụ sản xuất sớm hay muộn cũng sẽ dẫn đến sự thay thế quan hệ sản xuất cũ bằng quan hệ sản xuất mới, đồng thời cũng dẫn đến sự thay thế cơ cấu giai cấp của xã hội cũ bằng cơ cấu giai cấp của xã hội mới. Phát minh ra

máy hơi nước là sự phát triển vượt bậc của công cụ sản xuất. Phát minh đó sớm hay muộn cũng sẽ dẫn đến sự thay thế quan hệ sản xuất phong kiến bằng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, đồng thời dẫn đến sự thay thế các giai cấp của xã hội phong kiến (giai cấp địa chủ và giai cấp nông nô) bằng các giai cấp của xã hội tư bản chủ nghĩa (giai cấp tư sản và giai cấp vô sản). Điều này thể hiện ở các đoạn trích sau: “Giai cấp vô sản là do cuộc cách mạng công nghiệp sinh ra” [1, tr.457]; “Đại công nghiệp kéo người công nhân công trường thủ công ra khỏi những điều kiện gia trưởng của họ; họ mất hết mọi tài sản cuối cùng của họ và chỉ khi đó họ mới trở thành người vô sản” [1, tr. 463]; “Trong tất cả các giai cấp đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp thực sự cách mạng. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của đại công nghiệp” [1, tr. 610]; “Ở tất cả những nơi mà đại công nghiệp đã thay thế cho công trường thủ công thì cách mạng công nghiệp làm tăng thêm rất nhiều của cải và thế lực của giai cấp tư sản, làm cho nó trở thành giai cấp thứ nhất trong nước. Kết quả là ở tất cả những nơi đã xảy ra quá trình đó, giai cấp tư sản đều nắm được chính quyền trong tay và gạt bỏ được những tầng lớp trước đó vẫn giữ quyền thống trị: tầng lớp quý tộc, thị dân phường hội và giới quân chủ chuyên chế, đại biểu cho hai tầng lớp đó. Giai cấp tư sản đã thủ tiêu được quyền lực của tầng lớp quý tộc, quý phái, sau khi đã bãi bỏ quyền kế thừa của con cả hay quyền chiếm hữu ruộng đất bất di bất dịch, sau khi đã thủ tiêu mọi đặc quyền của quý tộc. Nó đã phá tan thế lực

của thị dân phường hội, sau khi đã thủ tiêu mọi phường hội và mọi đặc quyền của thợ thủ công. Để thay thế những cái đó, nó đề ra tự do cạnh tranh, tức là một trạng thái xã hội trong đó mỗi người đều có quyền kinh doanh bất cứ một ngành công nghiệp nào, hơn nữa không có cái gì có thể ngăn cản được họ kinh doanh, trừ phi họ không có tư bản cần cho việc đó. Như vậy, tiến hành cạnh tranh tự do thì cũng giống như công khai tuyên bố rằng từ nay trở đi, mọi người trong xã hội sẽ chỉ không bình đẳng với nhau chừng nào mà tư bản của họ không ngang bằng nhau, rằng tư bản đã trở thành một lực lượng quyết định và do đó mà các nhà tư bản, tư sản, trở thành giai cấp thứ nhất trong xã hội” [1, tr. 463].

Thứ ba, theo C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, sản xuất theo phương thức tư bản chủ nghĩa trong nội bộ từng xí nghiệp là có kế hoạch, có tổ chức, có tính hợp lý, nhưng xét trên phạm vi toàn xã hội lại vô kế hoạch, vô tổ chức, vô chính phủ, không có tính hợp lý. Điều đó gây ra khủng hoảng kinh tế theo chu kỳ. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, công nghiệp càng phát triển thì tình cảnh của giai cấp vô sản càng bị đất, mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản càng gay gắt, mâu thuẫn giữa hai giai cấp này sớm muộn cũng sẽ được giải quyết, khi mâu thuẫn đó được giải quyết thì chế độ tư hữu sẽ được thay thế bằng chế độ công hữu, nền kinh tế thị trường sẽ được thay thế bằng nền kinh tế phi thị trường (tức là thành nền kinh tế kế hoạch tập trung), xã hội tư bản chủ nghĩa sẽ được thay thế bằng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Về điều này, Ph. Ăng-ghe-n viết: “Ở khắp nơi, cách mạng công nghiệp đều thúc đẩy giai cấp vô sản phát triển theo cùng một tốc độ phát triển của giai cấp tư sản.

Giai cấp tư sản càng giàu bao nhiêu thì giai cấp vô sản càng trở nên đông đúc bấy nhiêu. Vì chỉ tư bản mới có thể đem lại việc làm cho những người vô sản, và vì tư bản chỉ có thể tăng thêm khi sử dụng lao động, cho nên tư bản lớn lên bao nhiêu thì giai cấp vô sản cũng lớn lên bấy nhiêu. Đồng thời cách mạng công nghiệp tập trung tư sản và vô sản vào các thành thị lớn, ở đó sự phát triển công nghiệp là có lợi hơn cả, và sự tập trung đông đảo quần chúng vào một chỗ như vậy làm cho vô sản nhận thức được sức mạnh của mình. Sau đó, cách mạng công nghiệp mà phát triển bao nhiêu, những máy mới thay thế được lao động thủ công được tiếp tục phát minh ra bao nhiêu thì đại công nghiệp ngày càng gây áp lực đối với tiền lương bấy nhiêu và, như chúng tôi đã nói, càng giảm tiền lương xuống đến mức tối thiểu, khiến cho tình cảnh của giai cấp vô sản ngày càng trở nên không sao chịu nổi. Tóm lại, một mặt do sự bất mãn của giai cấp vô sản ngày càng tăng, mặt khác do sức mạnh của giai cấp vô sản ngày càng lớn cho nên cách mạng công nghiệp chuẩn bị điều kiện cho cuộc cách mạng xã hội mà giai cấp vô sản sẽ tiến hành” [1, tr.464 - 465]; “Đại công nghiệp đã tạo nên những phương tiện như máy hơi nước và các máy móc khác cho phép trong một thời gian ngắn có thể tăng thêm sản xuất công nghiệp một cách vô hạn mà chi phí lại không nhiều. Nhờ dễ dàng mở rộng sản xuất như vậy, nên chẳng bao lâu cạnh tranh tự do - hậu quả tất nhiên của nền đại công nghiệp đó - có tính chất đặc biệt gay gắt; đông đảo các nhà tư bản đổ xô vào công nghiệp, và chẳng bao lâu người ta sản xuất ra nhiều hơn là tiêu dùng. Kết quả là những hàng hóa đã sản xuất ra, không thể bán được, và xảy ra cái gọi là khủng hoảng thương nghiệp. Công xưởng

phải đóng cửa, chủ xưởng bị phá sản và công nhân không có cơm ăn. Khắp nơi, diễn ra cảnh nghèo đói khủng khiếp. Qua một thời gian nhất định, những sản phẩm thừa được bán hết, công xưởng lại bắt đầu làm việc, tiền lương được tăng lên, và tình hình dần dần đi đến chỗ tốt hơn bao giờ hết. Nhưng được ít lâu, vì chẳng mấy nổi lại sản xuất ra quá nhiều hàng hóa, nên lại xảy ra một cuộc khủng hoảng mới hoàn toàn giống như trước. Như vậy là bắt đầu từ thế kỷ này, công nghiệp luôn luôn trải qua những sự biến động, lúc thì phồn vinh, lúc thì khủng hoảng, và hầu như cứ cách năm - bảy năm một, lại đều đặn xảy ra một cuộc khủng hoảng như vậy; hơn nữa, cứ mỗi lần bùng nổ, là khủng hoảng lại gây ra những tai họa hết sức to lớn trong công nhân, lại thức tỉnh tinh thần cách mạng ở khắp nơi và gây một mối nguy rất lớn cho toàn bộ chế độ đương thời” [1, tr. 465]; “Mặc dù đại công nghiệp đã tự mình tạo ra cạnh tranh tự do trong giai đoạn phát triển ban đầu của nó, nhưng hiện nay nó đã vượt quá cạnh tranh tự do; cạnh tranh và nói chung việc những cá nhân riêng lẻ tiến hành sản xuất công nghiệp đã trở thành xiềng xích trói buộc đại công nghiệp, những xiềng xích mà đại công nghiệp phải phá tan và sẽ phá tan được; đại công nghiệp, khi còn được tiến hành trên những cơ sở hiện nay, thì không thể tồn tại mà lại không đưa tới tình trạng rối loạn chung cứ bảy năm lại tái diễn, và mỗi một lần rối loạn như thế, lại đe dọa toàn bộ nền văn minh và không những ném những người vô sản vào cảnh nghèo xác xơ mà còn làm cho nhiều nhà tư sản bị phá sản; do đó, hoặc phải từ bỏ đại công nghiệp - đó là điều tuyệt đối không thể được, hoặc phải thừa nhận rằng đại công nghiệp làm cho việc xây dựng một tổ chức

xã hội hoàn toàn mới trở thành một việc tuyệt đối cần thiết, một tổ chức xã hội mới trong đó việc lãnh đạo sản xuất công nghiệp không phải do từng chủ xưởng riêng lẻ cạnh tranh với nhau thực hiện nữa, mà là do toàn thể xã hội thực hiện theo một kế hoạch vững chắc và phù hợp với nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội” [1, tr.465 - 466]; “Đại công nghiệp và khả năng mở rộng sản xuất một cách vô hạn do nó tạo ra, sẽ cho phép xây dựng một chế độ xã hội, trong đó tất cả mọi vật phẩm cần cho đời sống sẽ được sản xuất ra nhiều đến nỗi mỗi thành viên trong xã hội đều có thể hoàn toàn tự do phát triển và sử dụng mọi lực lượng và năng lực của mình. Cho nên, cái tính chất của đại công nghiệp, trong xã hội hiện thời, là đẻ ra mọi sự nghèo đói và mọi cuộc khủng hoảng thương nghiệp, thì đến một chế độ xã hội khác, chính tính chất ấy lại trở thành tính chất thủ tiêu sự nghèo khổ đó và những sự biến động đem lại tai họa đó” [1, tr.466]; “Trước hết, việc quản lý công nghiệp và tất cả các ngành sản xuất nói chung sẽ không còn nằm trong tay của cá nhân riêng lẻ cạnh tranh với nhau nữa. Trái lại, tất cả các ngành sản xuất sẽ do toàn thể xã hội quản lý, tức là sẽ được tiến hành vì lợi ích chung, theo một kế hoạch chung và với sự tham gia của tất cả mọi thành viên trong xã hội. Như vậy, chế độ xã hội mới đó sẽ tiêu diệt cạnh tranh và thay cạnh tranh bằng hợp tác. Vì việc từng cá nhân riêng lẻ kinh doanh công nghiệp đem lại hậu quả tất yếu là chế độ tư hữu, và vì cạnh tranh không phải là một cái gì khác mà là một phương thức kinh doanh công nghiệp khi công nghiệp do những người tư hữu riêng lẻ quản lý, cho nên chế độ tư hữu không thể tách rời việc cá nhân kinh doanh công

ng nghiệp và tách rời cạnh tranh được. Do đó, chế độ tư hữu cũng phải được thủ tiêu và phải được thay bằng việc sử dụng chung tất cả mọi công cụ sản xuất và việc phân phối sản phẩm theo sự thỏa thuận chung, tức là bằng cái mà người ta gọi là sự cộng đồng về tài sản. Thủ tiêu chế độ tư hữu là một cách nói vắn tắt nhất và tổng quát nhất về việc cải tạo toàn bộ chế độ xã hội; việc cải tạo này là kết quả tất yếu của sự phát triển của công nghiệp. Cho nên, những người cộng sản hoàn toàn đúng khi đề ra việc thủ tiêu chế độ tư hữu thành yêu cầu chủ yếu của mình” [1, tr.467]. C. Mác và Ph. Ăng-ghen viết: “Nhưng sự phát triển của công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành những khối quần chúng lớn hơn; lực lượng của những người vô sản tăng thêm và họ thấy rõ lực lượng của mình hơn. Máy móc càng xóa bỏ mọi sự khác nhau trong lao động và càng rút tiền công ở hầu khắp mọi nơi xuống một mức thấp ngang nhau, thì lợi ích, điều kiện sinh hoạt của vô sản, càng dần dần ngang bằng nhau. Vì bọn tư sản ngày càng cạnh tranh với nhau hơn và vì khủng hoảng thương mại do sự cạnh tranh ấy sinh ra, cho nên dẫn tới tình trạng tiền công của công nhân ngày càng trở nên bấp bênh; việc cải tiến máy móc không ngừng và ngày càng nhanh chóng hơn làm cho tình cảnh của những người vô sản ngày càng bấp bênh, những cuộc xung đột cá nhân giữa công nhân và tư sản ngày càng có tính chất những cuộc xung đột giữa hai giai cấp. Công nhân bắt đầu từ việc thành lập những liên minh chống lại bọn tư sản để bảo vệ tiền công của mình. Thậm chí họ đi tới chỗ lập thành những đoàn thể thường trực để sẵn sàng đối phó, khi những cuộc xung đột

bất thần xảy ra. Đây đó, đấu tranh nổ thành bạo động công khai” [1, tr.607 - 608]; “Việc tăng thêm phương tiện giao thông do đại công nghiệp tạo ra, giúp cho công nhân các địa phương tiếp xúc với nhau, đã làm cho sự đoàn kết ấy được dễ dàng. Mà chỉ tiếp xúc như vậy cũng đủ để tập trung nhiều cuộc đấu tranh địa phương, đâu đâu cũng mang tính chất giống nhau, thành một cuộc đấu tranh toàn quốc, thành một cuộc đấu tranh giai cấp. Nhưng bất cứ cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng là một cuộc đấu tranh chính trị. Và sự đoàn kết mà những thị dân thời trung cổ đã phải mất hàng thế kỷ mới xây dựng được bằng những con đường làng nhỏ hẹp của họ, thì những người vô sản hiện đại chỉ xây dựng trong vòng vài năm, nhờ có đường sắt” [1, tr.608 - 609], “những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu” [1, tr. 616].

Thứ tư, theo C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, sự phát triển của công nghiệp sẽ xóa bỏ tình trạng cô lập trong mỗi quốc gia và trong quan hệ giữa các quốc gia; sẽ hình thành một thị trường thống nhất trong phạm vi từng quốc gia và trong phạm vi thế giới; và từ đó sẽ hình thành một nhà nước thống nhất với hệ thống pháp luật thống nhất trong phạm vi từng quốc gia và trong phạm vi thế giới; đồng thời sẽ dẫn đến sự thống trị của lối sống tư sản trong phạm vi từng quốc gia và trong phạm vi thế giới; sẽ làm cho cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản có tính chất toàn cầu. Về điều này Ph. Ăng-ghe-n viết: “Vì lao động bằng máy móc ngày càng giảm được giá hàng công nghiệp, nên ở trong tất cả các nước trên thế giới, hệ thống công trường thủ công trước kia hay hệ thống công nghiệp xây dựng trên cơ sở lao động thủ

công đều bị phá hoại hoàn toàn. Do đó, tất cả những nước nửa dã man - những nước mà đến tận nay vẫn còn ít nhiều đứng ngoài lề sự phát triển của lịch sử, những nước mà công nghiệp vẫn còn dựa trên cơ sở công trường thủ công - đều buộc phải tách khỏi tình trạng biệt lập của mình. Những nước ấy bắt đầu mua của người Anh những hàng hóa rẻ hơn và làm cho công nhân công trường thủ công của mình phải phá sản. Như vậy là những nước mà trong hàng chục thế kỷ không hề tiến bộ, như Ấn Độ chẳng hạn, thì nay cũng trải qua một cuộc cách mạng hoàn toàn, và thậm chí cả Trung Quốc ngày nay cũng đang đi đến cách mạng. Đã có tình hình là một chiếc máy mới, ngày hôm nay được phát minh ra ở Anh, một năm sau sẽ cướp mất bát cơm của hàng triệu công nhân ở Trung Quốc. Như vậy là nền đại công nghiệp đã gắn liền tất cả các dân tộc trên trái đất lại với nhau, đã thống nhất tất cả các thị trường địa phương nhỏ bé thành một thị trường toàn thế giới, đã chuẩn bị cơ sở, ở khắp nơi, cho văn minh và tiến bộ, đã làm cho tất cả những cái gì xảy ra trong các nước văn minh đều có ảnh hưởng đến tất cả các nước khác; thành thử, nếu như hiện nay, ở Anh hay ở Pháp công nhân tự giải phóng được thì việc đó sẽ gây nên cách mạng ở trong tất cả các nước khác, những cuộc cách mạng này sớm hay muộn cũng sẽ giải phóng cho công nhân ở các nước đó” [1, tr.462 - 463]; “Đại công nghiệp do đã tạo nên thị trường thế giới nên đã nối liền tất cả các dân tộc trên trái đất lại với nhau, nhất là các dân tộc văn minh, khiến cho mỗi một dân tộc đều phụ thuộc vào tình hình xảy ra ở dân tộc khác. Sau nữa, đại công nghiệp đã san bằng sự phát triển xã hội ở trong tất cả các nước văn minh, khiến cho ở khắp nơi, giai cấp tư sản

và giai cấp vô sản đã trở thành hai giai cấp có tác dụng quyết định trong xã hội và cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp đó đã trở thành cuộc đấu tranh chủ yếu của thời đại chúng ta. Vì vậy, cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa không những sẽ có tính chất dân tộc mà sẽ đồng thời xảy ra ở trong tất cả các nước văn minh, tức là ít nhất, ở Anh, Mỹ, Pháp và Đức. Trong mỗi một nước đó, cách mạng cộng sản chủ nghĩa sẽ phát triển nhanh hay chậm, là tùy ở chỗ nước nào trong những nước đó có công nghiệp phát triển hơn, tích lũy được nhiều của cải hơn và có nhiều lực lượng sản xuất hơn. Cho nên ở Đức, cách mạng cộng sản chủ nghĩa sẽ thực hiện chậm hơn và khó khăn hơn, còn ở Anh thì nhanh hơn và dễ dàng hơn. Cách mạng cộng sản chủ nghĩa cũng có ảnh hưởng rất lớn đến các nước khác trên thế giới, nó sẽ làm thay đổi hoàn toàn và thúc đẩy cực kỳ nhanh chóng tiến trình phát triển trước kia của các nước đó. Nó là một cuộc cách mạng có tính chất toàn thế giới và vì vậy nó sẽ có một vũ đài toàn thế giới” [1, tr. 472]. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nh viết: “Thay cho những nhu cầu cũ được thỏa mãn bằng những sản phẩm trong nước, thì nảy sinh ra những nhu cầu mới, đòi hỏi được thỏa mãn bằng những sản phẩm đưa từ những miền và xứ xa xôi nhất về. Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc. Mà sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế. Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc. Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ

những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở ra một nền văn học toàn thế giới” [1, tr.602]; “Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc đã man rợ nhất vào trào lưu văn minh. Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vạn lý trường thành và buộc những người đã man rợ ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó” [1, tr.602]; “Giai cấp tư sản bắt nông thôn phải phục tùng thành thị. Nó lập ra những đô thị đồ sộ; nó làm cho dân số thành thị tăng lên phi thường so với dân số nông thôn, và do đó, nó kéo một bộ phận lớn dân cư thoát khỏi vòng ngu muội của đời sống thôn dã. Cũng như nó đã bắt nông thôn phải phụ thuộc vào thành thị, bắt những nước đã man rợ hay nửa đã man phải phụ thuộc vào các nước văn minh, nó đã bắt những dân tộc nông dân phải phụ thuộc vào những dân tộc tư sản, bắt phương Đông phải phụ thuộc vào phương Tây” [1, tr.602]; “Giai cấp tư sản ngày càng xóa bỏ tình trạng phân tán về tư liệu sản xuất, về tài sản và về dân cư. Nó tụ tập dân cư, tập trung các tư liệu sản xuất, và tích tụ tài sản vào trong tay một số ít người. Kết quả tất nhiên của những thay đổi ấy là sự tập trung về chính trị. Những địa phương độc lập, liên hệ với nhau hầu như chỉ bởi những quan hệ liên minh và có những lợi ích, luật lệ, chính phủ, thuế quan

khác nhau, thì đã được tập hợp lại thành một dân tộc *thống nhất*, có một chính phủ *thống nhất*, một luật pháp *thống nhất*, một lợi ích dân tộc *thống nhất* mang tính giai cấp và một hàng rào thuế quan *thống nhất*” [1, tr.602 - 603].

3. Ý nghĩa của quan điểm của C. Mác và Ph. Ăng-ghen về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển xã hội

Quan điểm trên đây của C. Mác và Ph. Ăng-ghen về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển xã hội tuy đã được nêu ra từ giữa thế kỷ XIX, nhưng đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Mặc dù đã có nhiều tác phẩm của nhiều tác giả bàn về công nghiệp và sự phát triển xã hội từ góc độ triết học nhưng không có tác phẩm nào bàn về vấn đề đó một cách sâu sắc như các tác phẩm *Những nguyên lý của chủ nghĩa của chủ nghĩa cộng sản* và trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Khi đưa ra quan điểm như trên về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển xã hội, C. Mác và Ph. Ăng-ghen xuất phát từ cách giải thích duy vật biện chứng về quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, quan hệ giữa kinh tế và chính trị, quan hệ giữa kinh tế và văn hóa - xã hội, tức là xuất phát từ chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử đã được C. Mác và Ph. Ăng-ghen trình bày trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*. Tuy nhiên, ở hai tác phẩm này, các ông đã trình bày quan điểm về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển xã hội và quan điểm duy vật về lịch sử xã hội trong sự thống nhất chặt chẽ với nhau, và thông qua đó,

các ông đã làm sâu sắc thêm nội dung của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nói đến quan điểm của C. Mác và Ph. Ăng-ghen về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển xã hội ở hai tác phẩm này là nói đến quan điểm duy vật về lịch sử xã hội, ngược lại khi nói đến quan điểm duy vật về lịch sử xã hội, chúng ta cũng nói đến quan điểm của các ông về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển xã hội được trình bày trong hai tác phẩm này.

C. Mác và Ph. Ăng-ghen là những người đầu tiên phân tích rõ ràng, sâu sắc và dễ hiểu về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển xã hội. Lịch sử phát triển của công nghiệp trên thế giới đã chứng minh và ngày càng góp thêm nhiều căn cứ chứng minh cho quan điểm nói trên của các ông. Công nghiệp hiện nay đã đạt tới trình độ của Cách mạng công nghiệp 4.0, đã khác rất xa so với Cách mạng công nghiệp 1.0 giữa thế kỷ XIX. Tuy nhiên, sự tác động của của công nghiệp hiện nay đến sự phát triển xã hội vẫn không nằm ngoài sự phân tích nói trên của C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Tác động dễ nhận thấy là tác động đến kinh tế. Ai cũng dễ nhận thấy rằng, nhờ có công nghiệp nên sản phẩm mà con người làm ra mới nhanh, nhiều, tốt, rẻ, từ đó mức sống vật chất của con người mới được nâng cao. Số lượng và chủng loại sản phẩm do nền công nghiệp hiện nay tạo ra trong một ngày cũng đã gấp nhiều lần so với số lượng và chủng loại sản phẩm do nền công nghiệp tạo ra trong gần một thế kỷ từ lúc hình thành (năm 1780) đến giữa thế kỷ XIX. Tác động tích cực của công nghiệp đến chính trị và văn hóa - xã hội cũng rất to lớn. Ai cũng thấy rằng, trong hơn ba trăm năm qua bộ mặt chính trị và văn hóa - xã hội trên phạm vi rộng lớn của thế giới đã thay đổi rất cơ bản,

chế độ quân chủ phong kiến đã nhường chỗ cho chế độ dân chủ, nhà nước pháp quyền đã hình thành, quyền tự do nói riêng và quyền con người nói chung đã được thừa nhận, quan hệ giữa người và người đã bền chặt hơn, gần gũi hơn, thế giới đã “phẳng” hơn rất nhiều. Những thay đổi theo chiều hướng tiến bộ như trên là vô cùng to lớn. Sở dĩ có được những tiến bộ vượt bậc và nhanh chóng như vậy là do sự tác động của công nghiệp. Không có phát minh ra máy hơi nước và vô số những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp sau đó thì bộ mặt kinh tế, chính trị và văn hóa - xã hội của loài người sẽ không thể có được sự tiến bộ như vậy.

Theo sự phân tích của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, công nghiệp sinh ra phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, phương thức sản xuất này tuy lúc đầu phù hợp với yêu cầu phát triển của công nghiệp nhưng đến giữa thế kỷ XIX đã gây ra những hậu quả tiêu cực về kinh tế, chính trị và văn hóa - xã hội. Sự phân tích như vậy vẫn đúng với xã hội hiện nay. Mặc dù hiện nay các nhà nước đều can thiệp mạnh đến kinh tế thông qua thành phần kinh tế nhà nước, thông qua chính sách về thuế, giá cả, lao động, và thông qua nhiều chính sách khác, nhưng khủng hoảng kinh tế vẫn diễn ra theo chu kỳ và vẫn gây ra những hậu quả tiêu cực vô cùng lớn không chỉ về kinh tế mà còn cả về chính trị và văn hóa - xã hội. Sự cạnh tranh tự do vì lợi nhuận giữa các nhà tư bản đã dẫn đến và đang dẫn đến nhiều các cuộc chiến tranh lớn nhỏ trong phạm vi từng quốc gia và trong quan hệ giữa các quốc gia, các cuộc chiến tranh hiện nay có mức độ tàn phá khủng khiếp hơn nhiều so với các cuộc chiến tranh ở thế kỷ XIX do người ta lợi dụng những thành tựu mới của cách

mạng công nghiệp. Một nền công nghiệp theo phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa trong tương lai sẽ không gây ra những hậu quả tiêu cực như thế. Lúc đó, của cải sẽ tuôn ra dào dạt, tình trạng người bóc lột người sẽ không còn, sự phát triển tự do của mỗi người sẽ là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người, mọi người trên thế giới sẽ là anh em cùng sống dưới một ngôi nhà chung.

Theo sự phân tích của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, để khắc phục triệt để những hậu quả tiêu cực do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa gây ra thì việc sản xuất phải có kế hoạch, có tổ chức, có tính hợp lý không chỉ trong nội bộ từng xí nghiệp, mà cả trong phạm vi toàn xã hội, nhưng muốn vậy thì chế độ tư hữu phải thay bằng chế độ công hữu, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phải thay bằng phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa. Từ căn cứ lý thuyết và căn cứ thực tiễn có được ở thời điểm hiện nay, chúng ta có thể tin rằng quan điểm này là chính xác, vấn đề chỉ là ở chỗ, thời điểm thay thế đó là bao giờ và cách thức thay thế đó như thế nào. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n không đưa ra câu trả lời cụ thể cho hai vấn đề này. Để có câu trả lời đúng, những người mác-xít phải căn cứ vào tình hình cụ thể của từng nước và từng thời điểm. Sẽ là sai lầm nếu cho rằng vì phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã lộ rõ sự bất hợp lý nên cần phải xóa bỏ ngay phương thức sản xuất ấy, hay nói rộng hơn, nếu cho rằng vì chế độ tư hữu đã lộ rõ sự bất hợp lý nên cần phải xóa bỏ ngay chế độ sở hữu ấy. Nếu việc xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nói riêng và chế độ tư hữu mà không tạo ra được sự phát triển hơn về kinh tế, cụ thể là không tạo ra được năng suất lao động cao hơn, không nâng cao được

đòi sống vật chất cho Nhân dân thì việc xóa bỏ đó là không phù hợp với quy luật khách quan, là chủ quan duy ý chí.

Trình độ phát triển của công nghiệp ngày nay đã vượt xa so với trình độ phát triển của công nghiệp giữa thế kỷ XIX, nhưng như chúng ta thấy, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng đã có sự điều chỉnh đáng kể. Nhờ sự điều chỉnh đó cho nên phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tuy vẫn còn bất hợp lý nhưng nhìn chung vẫn đang có sức sống mạnh mẽ, chế độ tư hữu chưa thể mất đi trong tương lai gần. Nếu còn sống, chắc chắn rằng C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n sẽ bổ sung và phát triển quan điểm của mình về tác động của chế độ tư hữu nói chung và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nói riêng, cụ thể các ông sẽ ghi nhận khả năng thích nghi của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đối với sự phát triển của công nghiệp.

4. Kết luận

Quan điểm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển xã hội với nội dung như trên là một phần quan trọng của chủ nghĩa Mác. Quan điểm đó của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n là cơ sở lý luận khoa học cho việc nghiên cứu xã hội trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Tuy nhiên, khi lấy quan điểm đó của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n làm cơ sở lý luận cho việc nhận thức xã hội cũng như cho việc hoạch định đường lối, chính sách phát triển xã hội, người mác-xít cần bổ sung và phát triển quan điểm ấy. Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đã chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế tập trung sang cơ chế thị trường, năm 1992 đã ghi nhận quyền tự do kinh doanh trong Hiến pháp, năm 2006 đã ghi

trong văn kiện Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam rằng kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế. Bằng việc đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã bổ sung và phát triển quan điểm nói trên của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Việt Nam hiện nay vẫn chưa là nước công nghiệp, càng chưa phải là nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trong nền kinh tế của Việt Nam hiện nay, lao động thủ công vẫn còn chiếm tỷ lệ không nhỏ.

Trong bối cảnh như vậy, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp, ưu tiên phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, đi tắt và đón đầu những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, đào tạo con người lao động có sức khỏe tốt, có chất lượng chuyên môn cao, có tư duy và lối sống thích ứng nền công nghiệp theo hướng hiện đại là đúng đắn, phù hợp với quan điểm nói trên của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n về vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển xã hội vào trường hợp Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n (2002), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [4] <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-su-kien/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-dang-621155/>, truy cập ngày 30 tháng 10 năm 2020.

